

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1025/SYT-VP

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 5 năm 2017

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh

Kính gửi:

- Thủ trưởng các đơn vị trong ngành
- Trưởng các phòng, ban cơ quan Sở Y tế

Ngày 09 tháng 5 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND về Kế hoạch Đào tạo nghề phục vụ tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020 (gửi kèm văn bản cho đơn vị).

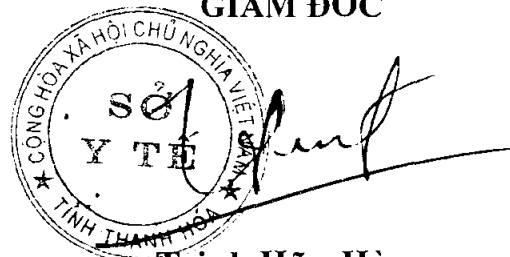
Để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Trưởng các phòng ban, Thủ trưởng các đơn vị trong ngành thực hiện tốt một số nội dung sau:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ; tình hình thực tế của đơn vị và mục tiêu, nội dung, giải pháp trong Kế hoạch số 73/KH-UBND của UBND tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi, lĩnh vực mình phụ trách, đảm bảo đạt hiệu quả cao; định kỳ báo cáo về Sở Y tế (Văn phòng) theo quy định.

Nhận được công văn này yêu cầu Trưởng các phòng/ban, Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên (đề t/h)
- GD, Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Hùng





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **73** /KH-UBND

Thanh Hoá, ngày **09** tháng 5 năm 2017

K2 VP + TCB

[Handwritten signature]

KẾ HOẠCH

**Đào tạo nghề phục vụ tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa
giai đoạn 2017-2020**

*985
12/5/17*

*K/c qđb,
[Handwritten signature]*

Căn cứ Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII về việc ban hành Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề phục vụ tái cơ cấu kinh tế giai đoạn 2017 - 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo lực lượng lao động trực tiếp sản xuất đảm bảo đáp ứng cả về số lượng và chất lượng với cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo hợp lý; tập trung đào tạo những ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh nhằm phục vụ tái cơ cấu kinh tế của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo nghề nghiệp từ trình độ đào tạo dưới 3 tháng đến trình độ cao đẳng giai đoạn 2017-2020 cho khoảng 286.600 người. Gồm:

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 43.449 người; trong đó, trình độ cao đẳng 1.630 nghìn người, trung cấp 3.182 nghìn người, sơ cấp 24.627 người, đào tạo dưới 3 tháng 14.010 người.

- Ngành công nghiệp - xây dựng 123.406 người; trong đó, trình độ cao đẳng 8.900 người, trung cấp 33.389 người, sơ cấp 49.391 người, đào tạo dưới 3 tháng 31.726 người.

- Ngành dịch vụ khoảng 119.745 người; trong đó, trình độ cao đẳng 10.694 người, trung cấp 27.464 người, sơ cấp 52.622 người, đào tạo dưới 3 tháng 28.965 người.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đối tượng và phạm vi thực hiện

1.1. Đối tượng

- Lao động từ 15 tuổi trở lên, có nhu cầu đào tạo và có sức khỏe phù hợp với ngành nghề đào tạo.

- Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng; các cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp.

1.2. Phạm vi: Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Các hoạt động cụ thể

2.1. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tư vấn trực tiếp cho người lao động về các chính sách khuyến khích trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, việc làm sau đào tạo nói chung và kế hoạch đào tạo nghề nghiệp phục vụ tái cơ cấu kinh tế của tỉnh nói riêng.

2.2. Lựa chọn ngành nghề đào tạo theo định hướng tái cơ cấu ngành kinh tế, cụ thể như sau:

- Nông, lâm, thủy sản:

+ Trồng trọt, chăn nuôi: Đào tạo các nghề có hiệu quả năng suất cao như trồng cây công nghiệp, trồng cây ăn quả, trồng cây dược liệu, trồng rau an toàn, trồng lúa năng suất, chất lượng cao...; đào tạo nghề chăn nuôi các loại con có giá trị cao, đặc sản như: bò sữa, bò thịt, dê, lợn đen, gà thả vườn, nhím, thỏ ... theo mô hình trang trại tập trung, công nghệ cao.

+ Lâm nghiệp: Đào tạo các nghề lâm sinh, làm vườn, cây cảnh, cây cao su, sinh vật cảnh...

+ Thủy sản: Đào tạo các nghề chế biến và bảo quản thủy sản; nuôi trồng thủy sản nước ngọt, mặn, lợ: tôm sú, tôm he chân trắng, ngao, cua, tôm rảo, cá vược, bóng bớp, cá rô phi đơn tính, trồng rau câu...; khai thác, đánh bắt xa bờ; thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng IV, V.

- Công nghiệp - Xây dựng:

Đào tạo nhóm nghề công nghiệp như: kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật; kỹ thuật điện, điện tử, viễn thông; công nghệ tô tô; sản xuất chế biến sợi vải, giầy da; chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống. Mở thêm ngành nghề mới như công nghệ dầu khí và khai thác; lọc hóa dầu; tự động hóa...

Nhóm nghề xây dựng: kỹ thuật xây dựng, xây dựng cầu đường, bê tông, cốt pha - giàn giáo, cốt thép - hàn, nề - hoàn thiện, mộc xây dựng và trang trí nội thất, mộc dân dụng, điện nước...

- Dịch vụ: Đào tạo các nghề dịch vụ du lịch; khách sạn, nhà hàng; nhóm nghề dịch vụ vận tải; dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin; kinh doanh...

2.3. Thực hiện rà soát, đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp đối với các ngành nghề đảm bảo các điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của tỉnh.

2.4. Tổ chức đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các phương thức sau:

- Giao chỉ tiêu đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo định mức được phê duyệt tại Quyết định 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về việc ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và ổn định đến năm 2020, tỉnh Thanh Hóa.

- Đặt hàng đào tạo hoặc hợp đồng đào tạo đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Giao nhiệm vụ đào tạo hoặc đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng với mức chi phí đào tạo theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp hoặc phối hợp, liên kết với doanh nghiệp để tổ chức đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp.

2.5. Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phương pháp giảng dạy tích hợp cho nhà giáo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu đào tạo gắn với tái cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.6. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở thêm ngành nghề mới nhằm đào tạo lao động kỹ thuật có chất lượng cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

2.7. Thực hiện rà soát, xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Thông tư số 03/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch giai đoạn 2017 - 2020: 2.200 tỷ đồng.

Phân theo nguồn vốn:

- Ngân sách tỉnh: 1.044 tỷ đồng;
- Ngân sách Trung ương: 529 tỷ đồng;
- Nguồn khác: 627 tỷ đồng.

Phân theo nội dung chi:

- Đào tạo nghề nghiệp: 1.482 tỷ đồng;
- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề: 700 tỷ đồng;
- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên: 10 tỷ đồng;
- Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu: 8 tỷ đồng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đào tạo nghề nhằm

nâng cao chất lượng lao động trực tiếp sản xuất đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ tái cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục về vai trò, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề, sử dụng nhân lực qua đào tạo nghề; vận động các doanh nghiệp, các tổ chức tích cực tham gia đào tạo nghề cho người lao động để sử dụng với chất lượng ngày càng cao, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nhân lực trực tiếp sản xuất đáp ứng phục vụ tái cơ cấu kinh tế.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ hội việc làm từ các doanh nghiệp, giúp người học lựa chọn ngành nghề phù hợp, đồng thời có nhiều thông tin cần thiết về việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển đào tạo nghề, giải quyết việc làm để các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

- Nâng cao năng lực dự báo cung - cầu lao động trong từng lĩnh vực ngành nghề, đặc biệt là đối với các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh cao.

- Tổ chức điều tra cung - cầu lao động hằng năm trên địa bàn tỉnh và công bố công khai kết quả điều tra để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và người lao động có kế hoạch đào tạo, sử dụng, tìm kiếm việc làm phù hợp đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ tái cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo. Công bố công khai chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Đổi mới, hoàn chỉnh hệ thống các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển đào tạo nghề

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đào tạo lực lượng lao động cho xã hội.

- Phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động, dịch vụ đào tạo và giới thiệu việc làm. Đa dạng hóa các kênh giao dịch việc làm nhằm đảm bảo điều kiện phát triển giao dịch trực tiếp giữa người lao động và đơn vị tuyển dụng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, phát triển nhân lực. Gắn hệ thống thông tin thị trường lao động với hệ thống thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ vay vốn học nghề, tạo việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động là người khuyết tật, lao động đi làm việc ở nước ngoài, bồi đội xuất ngũ, công an hoàn thành nghĩa

vụ quân sự, thanh niên tình nguyện, đào tạo chuyên đổi nghề đối với người bị thu hồi đất, lao động thất nghiệp, chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên trung cấp, cao đẳng...

4. Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu đào tạo phục vụ phát tái cơ cấu kinh tế.

- rà soát, điều chỉnh, sắp xếp và tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Mở rộng quy mô, đa dạng ngành nghề và loại hình đào tạo; gắn đào tạo với nhu cầu của xã hội; khuyến khích mở rộng đào tạo các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển các trường đào tạo nghề trọng điểm đạt chuẩn quốc gia, khu vực ASEAN, trong đó ưu tiên phát triển một số trường đào tạo nghề chất lượng cao như Trường Cao đẳng Công nghiệp, Trường Cao đẳng Nghi Sơn... Tăng cường liên doanh, liên kết trong đào tạo nghề ở làng nghề và doanh nghiệp.

- Thực hiện sáp nhập các trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thành trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp cho học sinh, người lao động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, dự kiến nhu cầu kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định chi tiêu đào tạo hàng năm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trình UBND tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng phù hợp với quy định hiện hành và thực tế trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề lập kế hoạch chi tiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Mở rộng và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động việc làm, đào tạo nghề.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan thẩm định phương án phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan thẩm định kế hoạch mua sắm trang thiết bị dạy nghề trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan thẩm định chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm thực hiện kế hoạch, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trên cơ sở đề nghị của các đơn vị được giao làm chủ đầu tư.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện nhiệm vụ phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện cung cấp thông tin về định hướng, quy hoạch sản xuất nông nghiệp liên quan đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

6. Sở Công thương

Thực hiện cung cấp thông tin về định hướng, quy hoạch sản xuất công nghiệp, thương mại làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn Đài phát thanh và truyền hình, Báo Thanh Hóa và các cơ quan thông tấn báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề nói chung và kế hoạch đào tạo nghề phục vụ tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020.

8. Các sở, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển giáo dục nghề nghiệp, thực hiện các hoạt động có liên quan theo Kế hoạch.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho người lao động.

- Hàng năm tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các cơ sở sản xuất kinh doanh để xây

dựng kế hoạch dạy nghề sát thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bổ sung ngân sách huyện và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư cho công tác đào tạo nghề.

10. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp xây dựng Chương trình đào tạo phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của tỉnh.

- Tích cực, chủ động trong công tác tuyển sinh; liên kết, phối hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo nghề nghiệp, thực hành, thực tập và giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo. Chuẩn bị các điều kiện mở thêm các ngành nghề mới đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- Chủ động đầu mối với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước để thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành nghề mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh không có hoặc những nghề chất lượng đào tạo chưa cao.

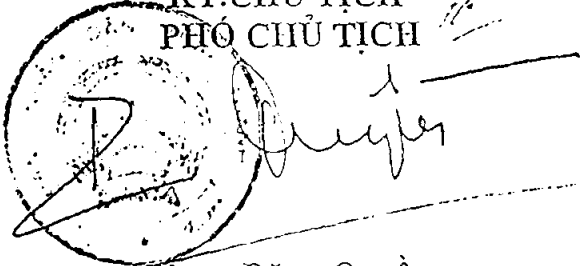
- Thực hiện tốt việc sắp xếp, khai thác, sử dụng và bảo quản các trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư mua sắm, trách lãng phí, hạn chế hiệu quả trong đầu tư.

Để việc triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả cao, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc các nội dung Kế hoạch trong phạm vi, lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các ban, sở, ngành, đơn vị có liên quan (Mục IV);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX.ĐN33

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ PHỤC VỤ TÀI CƠ CẤU KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2017-2020
 (Kèm theo Kế hoạch số : 73 /KH-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nhóm nghề	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo			
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng
	Tổng số	286.600	21.224	64.035	126.640	74.701
I	Nông - Lâm - Ngư nghiệp	43.449	1.630	3.182	24.627	14.010
1	Nông nghiệp	30.509	840	1.272	19.197	9.200
2	Thủy sản	6.920	525	925	2.460	3.010
3	Thú y	3.118	95	863	1.425	735
4	Lâm nghiệp	2.902	170	122	1.545	1.065
II	Công nghiệp-Xây dựng	123.406	8.900	33.389	49.391	31.726
1	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	24.941	1.856	7.145	10.305	5.635
2	Kỹ thuật điện, điện tử, viễn thông	24.016	3.748	10.868	7.470	1.930
3	Xây dựng	10.240	240	2.600	3.434	3.966
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.466	1.111	2.370	985	3.000
6	Máy tính	1.210	380	590	240	-
7	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	35.150	345	3.864	20.346	10.595
8	Công nghệ dầu khí và khai thác	2.691	500	1.500	691	
9	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	4.000	-	1.500	2.500	
10	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống	2.160	150	600	1.410	-
11	Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	640	360	280	-	-
12	Công nghệ kỹ thuật mỏ	485	-	265	220	-
13	Khoa học trái đất	160	-	160	-	-
14	Công nghệ sản xuất	8.370	210	660	950	6.550
15	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường	1.517	-	807	660	50
16	Quản lý công nghiệp	360	-	180	180	-
III	Dịch vụ	119.745	10.694	27.464	52.622	28.965
1	Công nghệ thông tin	12.292	790	4.338	5.479	1.685
2	Kế toán kiểm toán	2.004	1.014	550	230	210
3	Dịch vụ vận tải	13.861	225	636	11.500	1.500
4	Quản trị, quản lý	1.930	800	470	230	430
5	Khách sạn, nhà hàng	17.690	140	3.865	5.015	8.670
6	Kinh doanh	11.103	210	180	2.683	8.030
7	Kiểm soát và bảo vệ môi trường	2.960	840	760	1.360	-
8	Điều dưỡng, hộ sinh	7.620	3.000	2.720	1.900	-
9	Dịch vụ y tế	3.530	800	2.380	350	-
10	Dược học	3.900	2.000	1.700	200	-
11	Dịch vụ xã hội	5.070	-	-	3.355	1.715
12	Dịch vụ du lịch	12.025	120	2.350	9.425	130
13	Nghệ thuật nghe nhìn	1.125	-	265	290	570

STT	Nhóm nghề	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo			
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng
14	Báo chí và truyền thông	150	-	30	20	100
15	Đào tạo giáo viên	600	-	500	100	-
16	Y học cổ truyền	3.200	-	3.100	100	-
17	Thông tin - Thư viện	500	-	500	-	-
18	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng	500	-	500	-	-
19	Công tác xã hội	920	120	800	-	-
20	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	480	480	-	-	-
21	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	2.360	-	180	2.180	-
22	Dịch vụ thẩm mỹ	4.770	-	1.250	3.320	200
23	Mỹ thuật ứng dụng	11.035	155	270	4.885	5.725
24	Mỹ thuật	120	-	120	-	-

